

ĐA DẠNG NGUỒN TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC CHỮA TRỊ CÁC BỆNH VỀ GAN Ở VÙNG BẢY NÚI, TỈNH AN GIANG

Đặng Minh Quân¹, Huỳnh Thế Phương¹,
Phạm Thị Bích Thủy¹, Nguyễn Trọng Hồng Phúc^{2*}

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá thực trạng đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc có thể dùng để chữa trị các bệnh về gan ở vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang, làm cơ sở khoa học cho việc sử dụng, quản lý và bảo tồn nguồn tài nguyên cây thuốc của tỉnh An Giang hiệu quả hơn. Các phương pháp được sử dụng bao gồm PRA; điều tra thực địa và thu mẫu cây tại 14 tuyến điều tra; so sánh hình thái và phân loại mẫu cây, kết hợp với tra cứu các tài liệu chuyên ngành về cây làm thuốc. Kết quả nghiên cứu đã xác định được 185 loài cây thuốc 150 chi của 73 họ trong 3 ngành thực vật bậc cao có thể sử dụng làm thuốc để chữa trị các bệnh về gan. Trong đó, ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) đa dạng nhất, chiếm 94,52% tổng số họ, 97,33% tổng số chi và 97,30% tổng số loài khảo sát được. Có 7 loài có tên trong Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (2019), Sách Đỏ Việt Nam (2007) và Nghị định 84/2021/NĐ - CP. Các loài cây thuốc thu được có 11 dạng sống và phân bố trong 6 sinh cảnh, trong đó sinh cảnh vườn (gồm vườn nhà, vườn cây ăn trái và vườn thuốc nam) có số lượng loài nhiều nhất, chiếm 50,81% tổng số loài. Có 10 bộ phận của cây được dùng làm thuốc để chữa trị 6 loại bệnh về gan, trong đó, nhiều nhất là nhóm cây thuốc chữa viêm gan với 71 loài, chiếm 38,38% tổng số loài. Có 26 loài cây được người dân địa phương tại vùng Bảy Núi sử dụng nhiều nhất để chữa trị các bệnh về gan.

Từ khóa: Bệnh gan, cây thuốc, đa dạng sinh học, sinh cảnh, vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Gan là tổ chức quan trọng của cơ thể, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ sức khỏe của con người như phân giải độc tố đến từ hệ thống tiêu hóa và những chất thải có trong máu. Vì vậy, gan rất dễ bị tổn thương bởi độc tố, vi rút, vi khuẩn và từ các loại thuốc để điều trị các bệnh khác [1]. Điều trị các bệnh về gan rất tốn kém do thời gian điều trị thường kéo dài nên hiện nay, xu hướng chữa trị các bệnh về gan bằng các loài cây cỏ có tại địa phương đang là lựa chọn được quan tâm hàng đầu, nhất là những địa phương có truyền thống sử dụng cây thuốc để chữa bệnh.

Vùng Bảy Núi (Thất Sơn) là tên gọi chung của vùng đồi núi phía Tây Nam, thuộc địa giới hành chính của hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Do nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, cận xích đạo, lại có địa hình đa dạng (đồi núi và đồng bằng) nên có hệ thực vật rất đa dạng, trong đó có nhiều loài cây làm thuốc. Theo Nguyễn Đức Thắng (2003), thảm thực vật rừng ở toàn tỉnh An

Giang có 815 loài thuộc 501 chi của 145 họ, trong đó có 415 loài cây có thể dùng làm thuốc [2]. Đặng Minh Quân và Trần Ngọc Thuận (2017) chỉ mới khảo sát tại 29 khu vực có người dân tộc Khmer sinh sống ở vùng Bảy Núi, đã xác định được 356 loài cây làm thuốc thuộc 270 chi của 101 họ trong 3 ngành thực vật có thể dùng chữa trị cho 21 nhóm bệnh [3]. Người dân vùng Bảy Núi đã có truyền thống chữa bệnh bằng cây cỏ, cùng với mạng lưới các cơ sở của Hội Y học dân tộc và Hội chữ thập đỏ, việc sử dụng cây cỏ làm thuốc ngày càng được mở rộng, trong đó có nhiều loài cây thuốc và bài thuốc chữa trị các bệnh về gan. Tuy nhiên, số lượng loài cây được sử dụng điều trị bệnh về gan chưa tương xứng với tiềm năng các loài cây thuốc hiện có tại địa phương. Việc khai thác cây thuốc trị bệnh về gan ở đây chủ yếu là theo phương pháp gia truyền, chỉ tập trung vào một số loài, trong khi số lượng loài cây có thể dùng làm thuốc chữa các bệnh về gan hiện có tại địa phương rất đa dạng và phong phú mà người dân chưa biết hết được. Chính vì vậy, việc điều tra, đánh giá thực trạng đa dạng các cây thuốc chữa trị các bệnh về gan ở vùng Bảy Núi tỉnh An Giang là rất cần thiết nhằm cung cấp thêm tri thức sử dụng cây thuốc chữa các bệnh về gan cho người dân địa phương, góp phần

¹ Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

² Trường Trung học phổ thông Hòa Tú, tỉnh Sóc Trăng

*Email: nthphuc@ctu.edu.vn

trong việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho người dân trong vùng.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

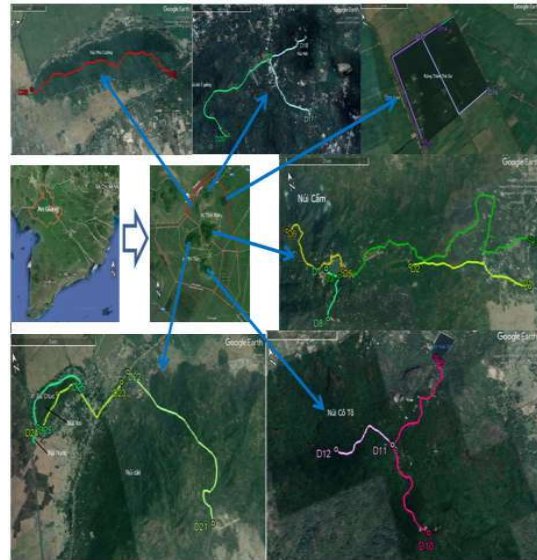
Phương pháp điều tra cộng đồng: Sử dụng phương pháp phỏng vấn nhanh nông thôn có sự tham gia của cộng đồng - PRA để điều tra [4], phỏng vấn 76 người dân địa phương có nhiều kinh nghiệm, kiến thức về sử dụng cây làm thuốc chữa các bệnh về gan gồm: các lương y tại các nhà thuốc nam (9 người), những người đi thu hái thuốc nam (15 người), các thầy bốc thuốc nam ở các chùa (18 người), các hộ trồng và kinh doanh cây thuốc nam ở vùng Bảy Núi (34 người). Tổng cộng có 32 chỉ tiêu được khảo sát (bao gồm thông tin người được phỏng vấn; tri thức về nhận diện và sử dụng cây cỏ địa phương làm thuốc chữa các bệnh về gan; thông tin về thành phần loài, môi trường phân bố, dạng sống, bộ phận sử dụng để trị bệnh, loại bệnh gan được chữa trị... thông qua 76 phiếu phỏng vấn.

Phương pháp điều tra thực địa theo tuyến, thu mẫu, đánh giá đa dạng cây thuốc dựa theo Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) [5]. Dựa vào bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tịnh Biên và huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang [6], Google map và từ sự quan sát thực tế, đã xác định được 14 tuyến cần điều tra thu mẫu qua 6 sinh cảnh đặc trưng ở vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang. Chi tiết về các tuyến điều tra, tọa độ, sinh cảnh và khu vực thu mẫu được trình bày trong hình 1 và bảng 1.

Phương pháp phân tích mẫu, xác định tên khoa học của cây: Dựa trên phương pháp so sánh hình thái, kết hợp tra cứu các tài liệu chuyên ngành của Phạm Hoàng Hộ (1999, 2000, 2003) [7] và Võ Văn Chi (2003, 2004) [8, 9]. Chính sửa tên loài, tên tác giả

theo Nguyễn Tập (2019) [10] và The Plant List (2013) [11].

Xác định cây làm thuốc chữa các bệnh về gan, bộ phận sử dụng của cây và phân chia nhóm bệnh gan dựa vào tri thức bản địa từ quá trình phỏng vấn người dân địa phương, kết hợp với tra cứu các tài liệu chuyên ngành về cây thuốc của Đỗ Huy Bích và cs (2006, 2006, 2011) [12], Đỗ Tất Lợi (2015) [13], Võ Văn Chi (2018) [9]. Phân chia dạng sống của cây làm thuốc theo Bộ Nông nghiệp và PTNT (2000) [14], Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2007) [15].



Hình 1. Sơ đồ các tuyến thu mẫu ở vùng Bảy Núi

Ghi chú: D1 - D2: Tuyến 1; D3 - D4: Tuyến 2; D5 - D6: Tuyến 3; D7 - D8: Tuyến 4; D9 - D10: Tuyến 5; D11 - D12: Tuyến 6; D13 - 14: Tuyến 7; D15 - D16: Tuyến 8; D17 - D18: Tuyến 9; D19 - D20: Tuyến 10; D21 - D22: Tuyến 11; D23 - 24: Tuyến 12; D25 - D26: Tuyến 13; D27 - D28: Tuyến 14.

Bảng 1. Các tuyến, tọa độ, sinh cảnh và khu vực thu mẫu ở vùng Bảy Núi

TT	Tuyến thu mẫu	Tọa độ điểm đầu	Tọa độ điểm cuối	Độ dài tuyến	Sinh cảnh thu mẫu	Khu vực thu mẫu
1	Tuyến 1: Đường vào núi Cấm đếm đập nước	10°29'19"E 105°01'22"N	10°29'57"E 104°59'56"N	3,0 km	1, 2, 3	Núi Cấm
2	Tuyến 2: Đường vào cáp treo đến hồ Thủy Liêm	10°29'43"E 105°01'31"N	10°30'08"E 104°59'02"N	7,3 km	1, 2, 3	Núi Cấm
3	Tuyến 3: Hồ Thủy Liêm đến đỉnh núi Cấm	10°30'10"E 104°59'03"N	10°30'45"E 104°58'30"N	2,4 km	1, 2, 3	Núi Cấm
4	Tuyến 4: Đỉnh núi Cấm đến Vồ Bò Hong	10°30'16"E 108°58'53"N	10°29'48"E 104°58'47"N	1,2 km	1, 2, 3	Núi Cấm
5	Tuyến 5: Hồ Xoài Xo đến Điện Kính	10°23'27"E 104°59'57"N	10°22'36"E 104°59'35"N	2,5 km	1, 2, 3	Núi Cô Tô